

MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI NHẬN THỨC AN NINH Ở ĐÔNG Á

HOÀNG KHẮC NAM*

1. Mở đầu

Vấn đề an ninh tồn tại do nhiều nguyên nhân và điều kiện khác nhau. Rất nhiều trong số chúng được quy định bởi hoàn cảnh khách quan và những điều kiện vật chất như môi trường vô chính phủ, thế giới chia rẽ thành nhiều quốc gia, quy luật phát triển không đều, đặc tính đa dạng của con người, xu hướng tranh giành quyền lực, xung đột lợi ích vật chất,

Bên cạnh các nguyên nhân khách quan và điều kiện vật chất, nhận thức đóng vai trò không hề nhỏ trong việc tồn tại các vấn đề an ninh. Nhận thức có thể là nguyên nhân sinh ra vấn đề an ninh, có thể là điều kiện duy trì sự căng thẳng an ninh và có thể là yếu tố tác động làm phức tạp thêm vấn đề an ninh. Đây là điều thường gặp trong lịch sử quan hệ quốc tế thế giới cũng như trong lịch sử Đông Á.

Nhận thức an ninh được hình thành và vận động bởi hoàn cảnh khách quan và các điều kiện vật chất, nhưng cũng chịu tác động không nhỏ của các yếu tố tinh thần. Các yếu tố này đóng vai trò như một thứ môi trường tinh thần bao quanh nhận thức an ninh. Chúng góp phần làm nên phương diện chủ quan trong nhận thức an ninh.

Thực ra, nhận thức an ninh ở đâu cũng đều ít nhiều chịu tác động của các yếu tố tinh thần. Tuy nhiên, yếu tố này ở các nơi thường không giống nhau, tác động lên nhận thức an ninh cũng không như nhau. Vấn đề an ninh ở Đông Á không chỉ đa dạng và phức tạp mà còn dễ biến đổi, khó lường và khó giải quyết. Những đặc điểm này có trong cả sự nhìn nhận các vấn đề an ninh lẫn cách thức giải quyết chúng. Theo chúng tôi, tính dễ biến đổi, khó lường và khó giải quyết trong vấn đề an ninh ở Đông Á được quy định không ít bởi các yếu tố tinh thần trong nhận thức an ninh của các nước trong khu vực. Và cũng chính các yếu tố này đã góp phần làm nên tính đặc thù trong vấn đề an ninh ở Đông Á.

Xuất phát từ quan điểm trên, bài viết này không nhằm làm rõ nhận thức an ninh của các nước trong khu vực hiện nay như thế nào mà chỉ cố gắng chỉ ra một số yếu tố tinh thần đang tác động không có lợi tới nhận thức an ninh ở Đông Á. Bài viết cũng giới hạn trong việc tập trung vào các yếu tố có tính tinh thần và xem xét chúng dưới góc độ lịch sử. Việc xem xét chúng chủ yếu được tiến hành qua lăng kính kinh nghiệm nên chỉ mang tính bước đầu. Chúng tôi hi vọng có thể đóng góp thêm một khía cạnh nhỏ

*PGS.TS. Khoa Quốc tế học - Trường ĐH KHXH&NV - ĐHQG HN

trong nghiên cứu vấn đề an ninh ở Đông Á, góp phần cho việc cải thiện bức tranh an ninh ở đây theo hướng ổn định và hòa bình.

Các yếu tố tinh thần tác động đến nhận thức an ninh ở Đông Á được đề cập đến trong bài viết này bao gồm: Chủ nghĩa quốc gia, nhận thức lịch sử, tư tưởng triết học-chính trị và một số yếu tố khác trong tính cách người Á Đông.

2. Chủ nghĩa quốc gia

Nếu xét trên ba tiêu chí cơ bản của quốc gia là cư dân, lãnh thổ và nhà nước, các quốc gia ở khu vực Đông Á xuất hiện khá sớm. Quá trình quốc gia của nhiều nước Đông Á là một dòng chảy tương đối liên tục dù có những di dịch về địa lý và những đứt đoạn về lịch sử. Đa phần các nước Đông Á ngày nay đều là sự phát triển tự thân từ những quốc gia cổ trung đại mà ít chịu sự sắp đặt hay can thiệp từ bên ngoài. Với một quá trình quốc gia như vậy, chủ nghĩa quốc gia ở Đông Á cũng được hình thành từ lâu và được củng cố qua lịch sử. Bên cạnh đó, sự phát triển tương đối biệt lập cũng khiến chủ nghĩa quốc gia ở đây được xác định rõ ràng hơn và có tính khép kín nhiều hơn. Đồng thời, lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm cũng góp phần tạo nên sức sống mạnh mẽ và tính hướng nội cao cho chủ nghĩa quốc gia ở Đông Á.

Một quá trình sớm, lâu dài với những đặc thù như vậy đã khiến chủ nghĩa quốc gia ở Đông Á có một nền tảng lịch sử khá vững chắc đến tận ngày nay. Không thể phủ nhận vai trò to lớn của chủ nghĩa quốc gia đối với công cuộc xây dựng vào bảo vệ đất nước của các quốc gia Đông Á. Tuy nhiên, do lịch sử không đơn giản là sự tiếp tục của cái đã có, do tình hình hiện nay đã không còn như trước, chủ nghĩa quốc gia này đang góp phần tạo nên những tác động nhất định đối với nhận thức về an ninh khu vực.

Sự mạnh mẽ và tính hướng nội cao của chủ nghĩa quốc gia ở Đông Á thường dẫn đến quan niệm tập trung cao độ vào quốc gia và tuyệt đối hóa lợi ích quốc gia. Chủ nghĩa này đề cao chủ quyền quốc gia như những giá trị thiêng liêng. Đối với nhiều người, chủ quyền quốc gia là một khái niệm bất di bất dịch, các giá trị và lợi ích quốc gia là không thể thỏa hiệp. Vì thế, chủ nghĩa quốc gia đã tác động tới tính không khoan nhượng trong nhận thức về an ninh, đặc biệt đối với các vấn đề liên quan đến chủ quyền quốc gia. Việc giải quyết các vấn đề an ninh như tranh chấp lãnh thổ thường khó tìm thấy lối thoát chính bởi lý do này.

Chủ nghĩa quốc gia mạnh mẽ và hướng nội cao đã ít nhiều coi nhẹ khả năng dung hòa với lợi ích nước khác và thậm chí là cả lợi ích khu vực. Lợi ích khu vực chỉ được coi là thứ nguyên hoặc đơn thuần là sự tiếp tục của lợi ích quốc gia chứ không có tính độc lập nhất định. Sự ích kỷ vẫn ngự trị trong chính sách đối ngoại của nhiều nước. Sự nhân nhượng trong các vấn đề an ninh liên quan đến chủ quyền nhiều khi được coi là sự mất mát hơn là đổi chác. Hiện nay, cách tiếp cận khu vực là nhỏ bé và cách tiếp cận quốc gia vẫn là bao trùm trong chính sách an ninh ở Đông Á. Đây là một lý do làm cho các nước Đông Á không chỉ khó khăn trong việc tìm tiếng nói chung, khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề tồn tại mà nhiều khi còn làm nảy sinh những vấn đề mới trong quan hệ. Nhiều sáng kiến hợp tác đa phương đã thất bại, nhiều thể chế khu vực không hiệu quả cũng chính bởi lý do này.

Chủ nghĩa quốc gia được cố kết trong lịch sử nên hướng nhiều về quá khứ và dễ nhạy cảm đối với các vấn đề có liên quan đến quá khứ. Sự tổn thương của chủ nghĩa quốc gia trong lịch sử luôn là điều khó quên. Chủ nghĩa này được thử thách và

chúng tỏ trong quá trình đấu tranh chống ngoại xâm nên càng dễ “dị ứng” với những vấn đề và nguy cơ từ bên ngoài. Mặt khác ở Đông Á, do tinh thần quốc gia mạnh mẽ nên chủ nghĩa quốc gia nhiều khi cũng được sử dụng để huy động sự ủng hộ trong nước trong việc giải quyết các mâu thuẫn đối ngoại. Cả hai điều này đều làm tăng nguy cơ đối đầu hơn là hòa giải trong việc giải quyết các vấn đề an ninh. Ngoài ra, sự tiếp tục các giá trị lịch sử của chủ nghĩa quốc gia cũng ảnh hưởng ít nhiều tới tính bảo thủ trong đánh giá tình hình, hoạch định chính sách, nhận định đối thủ,

Chủ nghĩa quốc gia ở Đông Á phổ biến cả trong giới hoạch định chính sách lẫn trong công chúng. Sự ăn sâu trong nhận thức khiến nó khó linh hoạt và luôn tạo ra một áp lực mạnh mẽ lên chính sách đối ngoại, lên việc nhận diện và giải quyết các vấn đề an ninh (1).

3. Nhận thức lịch sử

Cũng như nhiều khu vực khác trên thế giới, lịch sử quan hệ quốc tế ở Đông Á có cả hòa bình lẫn chiến tranh, cả hợp tác và xung đột, cả hữu nghị lẫn hận thù. Tuy nhiên, lịch sử chiến tranh, xung đột và hận thù dường như tác động đến nhận thức an ninh hiện tại nhiều hơn là lịch sử hòa bình, hợp tác, hữu nghị.

Ở Đông Á, chiến tranh và xung đột giữa các quốc gia trong lịch sử thường dai dẳng. Nhiều cuộc chiến tranh và xung đột kéo dài từ thế kỷ này qua thế kỷ khác. Việc kết thúc chiến tranh thường giải quyết theo công thức “tổng số bằng 0”, tức là cái được của bên này là cái mất của bên kia. Xung đột này chấm dứt, xung đột khác lại xuất hiện. Chiến tranh có thể chấm dứt về hình thức song nguyên nhân của nó vẫn không được giải quyết. Chính lịch sử chiến tranh kéo dài và lặp đi lặp lại như vậy đã góp

phần tạo ra cách nhìn tiến trình lịch sử vận động có tính chu kỳ - hết cuộc xung đột này đến cuộc xung đột khác. Cách nhìn lịch sử như vậy vẫn đang tồn tại phổ biến ở Đông Á. Với cách nghĩ như vậy, xung đột dễ được coi là không tránh khỏi và chiến tranh hoàn toàn có thể lặp lại trong tương lai. Từ đó, các biện pháp chính sách dễ được hướng tới việc chấp nhận và sẵn sàng đương đầu với các vấn đề an ninh hơn là tìm cách ngăn chặn chúng trước.

Không những thế, chiến tranh ở Đông Á nhiều khi cũng khá bạo tàn với những thôn tính lãnh thổ, tàn phá đất nước và giết hại dân thường. Chiến tranh ở đây là không có chuẩn mực nên dễ bị cuốn theo những tình cảm tiêu cực của con người. Lịch sử xung đột như vậy thường để lại lòng hận thù. Được chủ nghĩa quốc gia tiếp sức, sự hận thù của chiến tranh dễ dàng được phổ biến và tồn tại xuyên thời gian, để lại những “vết hằn tâm lý dân tộc” và những “định kiến lịch sử”. Lịch sử xung đột càng tàn bạo, sự ác cảm càng lớn, sự nghi kỵ càng kéo dài. Tâm lý ác cảm giữa cộng đồng này với cộng đồng kia là hiện tượng khá phổ biến ở Đông Á. Tâm lý ác cảm của cộng đồng tạo áp lực không lợi cho chính sách hướng tới tương lai vì hợp tác và hội nhập ở Đông Á.

Hầu hết các cuộc chiến tranh và xung đột trong lịch sử Đông Á là song phương, chủ yếu xảy ra giữa các nước có chung biên giới với đối tượng cụ thể nào đó. Sự tập trung của lịch sử xung đột, sự kéo dài của chiến tranh, tính bạo tàn của vũ lực, cộng với lòng tự hào dân tộc cao khiến cho “kẻ thù lịch sử” thường là cụ thể với nhiều vấn đề an ninh cụ thể do lịch sử để lại như tranh chấp lãnh thổ, và sự nghi kỵ lẫn nhau. Một khi “kẻ thù lịch sử” là cụ thể, vấn đề lịch sử để lại cũng cụ thể, người ta càng khó quên đi. Giữa các nước này, khả năng

“xung đột tinh thần quốc gia” giữa chúng là khá cao và vì thế mâu thuẫn dường như khó mất đi kể cả trong thời bình. Các vấn đề an ninh vừa nhiều, vừa giải quyết khó khăn đặc biệt giữa những nước này.

Lịch sử đã làm tăng thêm tính phức tạp của vấn đề an ninh hiện nay ở Đông Á. Một thói quen trong tâm tính người Đông Á là hướng nhiều về quá khứ nên lịch sử chiến tranh và xung đột như vậy cũng ảnh hưởng tới tình cảm và nhận thức an ninh ở đây. Tất cả những điều này đang được lồng ghép vào các vấn đề an ninh hiện nay và làm cho chúng dễ bị trầm trọng hơn và khó giải quyết hơn. Bề dày lịch sử xung đột càng lớn, “vết hằn tâm lý dân tộc” càng sâu. ám ảnh của quá khứ xung đột nuôi dưỡng sự nghi ngờ. Sự nghi ngờ hạn chế sự hiểu biết và sự tin cậy lẫn nhau. Hiện nay, sự nghi ngờ vẫn ngự trị ở Đông Á, kể cả trong công chúng lẫn giới tinh hoa xã hội. Sự nghi ngờ đáng kể nhất là giữa những “kẻ thù lịch sử”

Trên thực tế, chiến tranh và xung đột không phải là hình thức quan hệ duy nhất ở Đông Á nhưng dấu ấn của chúng trong tâm lý hiện tại là rõ ràng. Nền hòa bình giữa các quốc gia Đông Á chủ yếu là hòa bình phi quan hệ. Đó là trạng thái hòa bình nhưng không hợp tác và ít quan hệ. Điều này không giúp gì nhiều trong việc giảm tác động của lịch sử chiến tranh tới nhận thức an ninh ngày nay trong khu vực. Nhìn chung, ở Đông Á, thiếu nền tảng quan hệ tạo nên sự kém hiểu biết lẫn nhau, sự dễ nặng của quá khứ xung đột tạo nên sự thiếu tin cậy lẫn nhau (2).

4. Tư tưởng triết học-chính trị

Trong nhận thức về vấn đề an ninh, tư tưởng triết học-chính trị là yếu tố chi phối nhiều hành vi đối ngoại của quốc gia. Nó tạo nên nhân sinh quan và thế giới quan trong việc giải quyết các vấn đề an ninh. Sự

tương đồng hay khác biệt về tư tưởng triết học-chính trị có khả năng tác động đến sự chia rẽ hay hợp tác giữa các quốc gia.

Nhưng trong lịch sử Đông Á, đã không tồn tại một nền triết học-chính trị chung cổ vũ cho sự hợp tác xuyên quốc gia. Trong khu vực có hai nền triết học lớn của Trung Quốc và Ấn Độ. Hầu hết các nước còn lại không có nền triết học-chính trị của riêng mình. Mặc dù giữa hai nền triết học Trung Quốc và Ấn Độ có sự tiếp thu lẫn nhau nhưng sự khác biệt giữa chúng vẫn là lớn, cả về nhận thức luận lẫn bản thể luận, cả về phong cách tư duy và hình thức tư duy (3). Bản thân mỗi nền triết học lại bao gồm nhiều trường phái khác nhau. Chính sự khác biệt về tư tưởng và đa dạng về trường phái đã ngăn cản việc hình thành nên tính chung trong tư tưởng triết học-chính trị cho khu vực Đông Á, trong đó có nhận thức và quan niệm về an ninh.

Từ cuối thế kỷ XIX, nền triết học-chính trị ở Đông Á còn chịu ảnh hưởng của hàng loạt trường phái tư tưởng từ bên ngoài. Hầu hết các nước lớn đều có mặt tại khu vực này và đem vào đây các tư tưởng chính trị vốn đã rất phong phú của mình. Các tư tưởng này được du nhập và cải biến trong những điều kiện lịch sử khác nhau, bởi các lực lượng khác nhau nên càng đa dạng. Tầng lớp elite và giới trí thức được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, trong những nền văn hóa khác nhau, được tiếp thu các luồng tư tưởng khác nhau nên bức tranh tư tưởng chính trị Đông Á thêm phần phức tạp. Có lẽ không khu vực nào phải chịu ảnh hưởng của nhiều luồng tư tưởng đa dạng và khác nhau đến như vậy. Nền văn hóa chính trị khu vực tiếp tục duy trì sự đa diện đa sắc, tạo nên tính phức tạp và đa chiều trong việc nhìn nhận, giải quyết vấn đề an ninh trong khu vực.

Không chỉ có sự khác biệt, trong các tư tưởng lớn của Đông Á cũng chứa đựng những yếu tố có tính chia rẽ quan hệ giữa các dân tộc, quốc gia. Ví dụ như trường hợp Nho giáo - vốn hay được nhắc đến như một yếu tố chung tạo nên “sự thần kỳ Châu Á” trong những năm 80 thế kỷ XX. Nhưng cũng chính đạo Khổng lại khuyến khích các giá trị thiếu dân chủ trong quan hệ xã hội, tư tưởng bành trướng trong quan hệ giữa các dân tộc, hạ thấp vai trò của thương mại vốn có khả năng thúc đẩy hợp tác, là một học thuyết chính trị-xã hội nhiều hơn là tư tưởng tôn giáo, Nho giáo khuyến khích chủ nghĩa quốc gia và trong chừng mực nào đó, đã đặt chủ nghĩa quốc gia đối lập với chủ nghĩa quốc tế, chủ nghĩa khu vực. Đó là những quan niệm không có lợi cho việc giải quyết các vấn đề an ninh.

Đến thời hiện đại, do giao lưu phát triển, tính chung trong nhận thức về an ninh đã tăng lên ở Đông Á. Tuy nhiên, một trong những tính chung này lại là sự phổ biến của cách nghĩ theo quan niệm của Chủ nghĩa Hiện thực (*Realism*). Đây là lý thuyết vốn đề cao an ninh quốc gia, coi xung đột là bản chất của quan hệ quốc tế và từ đó khuyến khích mưu tìm quyền lực hơn là sự hợp tác để giải quyết vấn đề an ninh quốc gia. Sự chi phối của tư tưởng Chủ nghĩa Hiện thực đã được củng cố thêm bởi chủ nghĩa quốc gia mạnh mẽ và lịch sử chiến tranh kéo dài trong khu vực. Mặc dù các cố gắng giải quyết an ninh theo tinh thần của Chủ nghĩa Tự do Mới (*Neoliberalism*) và Chủ nghĩa Kiến tạo (*Constructivism*) như xây dựng thể chế và bản sắc cộng đồng, thúc đẩy giao lưu kinh tế và văn hóa-xã hội, đã được thúc đẩy nhưng xem chừng chưa đem lại nhiều hiệu quả và chưa lấn át được sự chi phối của cách nghĩ theo Chủ nghĩa Hiện thực.

Như vậy, trong lịch sử Đông Á, đã không tồn tại một nền triết học-chính trị với những giá trị chung được cả khu vực chia sẻ. Trong khi đó tính chung trong triết lý về an ninh vừa ít, vừa muộn, lại chịu ảnh hưởng của Chủ nghĩa Hiện thực. Sự hợp tác an ninh-chính trị giữa các nước Đông Á yếu ớt trong lịch sử, khó khăn trong hiện tại có phần bởi yếu tố này (4).

5. Một số yếu tố khác trong tính cách người Á Đông

Đây không hoàn toàn là những giá trị phổ biến nhưng vẫn là thực tế không nhỏ ở Đông Á. Chúng không thường xuyên do nhiều khi bị lý trí kiềm chế những vẫn biểu lộ trong không ít trường hợp. Chúng không hoàn toàn là tiêu cực nhưng vẫn có thể có tác động đến nhận thức, làm cho các vấn đề an ninh ở Đông Á thêm phức tạp, khó lường và khó giải quyết.

Thứ nhất, đó là chủ nghĩa kinh nghiệm trong hoạch định chính sách an ninh. Sự ảnh hưởng đáng kể của chủ nghĩa kinh nghiệm trong vấn đề này ở Đông Á được quy định bởi tư duy vốn trọng kinh nghiệm của nền văn minh nông nghiệp kéo dài, bởi quá trình công nghiệp hóa và khoa học chưa lâu và nhất là bởi một lịch sử quan hệ quốc tế hoàn toàn dựa trên sự ứng xử bằng kinh nghiệm. Kinh nghiệm thường đa dạng và không có giá trị phổ quát. Kinh nghiệm cũng thường có tính tình huống hơn là phù hợp với chiến lược lâu dài. Đó là chưa kể kinh nghiệm đối ngoại đúc rút ở Đông Á thường thiên nhiều về đối phó đơn phương với xung đột an ninh hơn là hợp tác ngăn chặn hay giải quyết chúng. Cho nên, một khi kinh nghiệm còn là cơ sở hoặc ít nhất còn hiện diện nhiều trong quá trình hoạch định chính sách, sự khác nhau và tính dễ thay đổi trong nhận thức an ninh cũng như cách giải quyết là điều dễ thấy.

Thứ hai, đó là tính chủ quan trong nhận thức an ninh. Ở Đông Á, đa số các xã hội thiếu cơ chế phản biện chính sách đối ngoại theo kiểu phương Tây. Vì thế, các quyết định chính sách an ninh thường được hoạch định trong một nhóm nhỏ cầm quyền. Điều này khiến cho chính sách an ninh dễ chịu tác động từ trình độ, quan niệm, tâm lý, tính cách, kinh nghiệm và sở thích, sở ghét, của những người trong nhóm đó, tức là dễ mang tính chủ quan. Tính chủ quan lại càng dễ trở nên lớn hơn trong bối cảnh ngoại giao bí mật và hoạch định chính sách an ninh ít công khai vốn đang phổ biến ở Đông Á. Khi tính chủ quan lớn, lại cộng thêm chủ nghĩa kinh nghiệm, vấn đề an ninh lại càng trở nên khó lường. Đến lượt mình, tính khó lường đều được các bên biết cả nên dễ gây cảm giác bất an, và từ đó là sự phức tạp và căng thẳng hơn trong các vấn đề an ninh.

Thứ ba, đó là sự chú trọng tới thân phận địa vị. Sự chú trọng này ở Đông Á là khá cao, nhất là trong những xã hội ảnh hưởng nhiều của Nho giáo và có lịch sử đế chế. Sự chú trọng tới thân phận địa vị hay sinh ra quan điểm thứ bậc, bất bình đẳng, thiếu tôn trọng lẫn nhau, đặc biệt là của nước lớn đối với nước nhỏ. Thân phận địa vị khi được chú trọng quá mức thì trở thành một thứ lợi ích lớn. Đôi khi, người ta sẵn sàng chấp nhận xung đột hay sự "ăn miếng, trả miếng" để thỏa mãn lòng tự tôn và giữ thể diện. Tính cách này vì thế mà trở thành một tác nhân làm tăng hoặc gây kéo dài xung đột. Thậm chí, đôi khi sự cảm thấy thân phận địa vị bị tổn thương lại trở thành nguyên nhân gây ra mâu thuẫn. Thể diện quá cao đôi khi cũng làm ảnh hưởng đến sự thỏa hiệp, nhân nhượng trong việc giải quyết các vấn đề an ninh. Điều này được thể hiện rõ nhất trong quan hệ nước lớn-nước nhỏ khi các nước lớn thường cảm

thấy khó nhân nhượng hơn trong các tranh chấp với các nước nhỏ.

Thứ tư, đó là tính dễ tự ái. Người Đông Á có ý chí nhưng tâm lý thường không vững cho nên dễ tự ái. Ở Đông Á, cảm giác bị xúc phạm và bị coi thường đều những cái dễ dẫn đến tự ái. Tự ái hay dẫn đến nóng giận. Sự tự ái và nóng giận đôi khi khiến người ta bất chấp các tính toán lý trí lợi hại và sự nhường nhịn để bỏ qua các cơ hội hòa giải. Tự ái còn dễ sinh ra sự chấp vặt, khiến những vấn đề nhỏ có thể trở thành to. Thậm chí tự ái còn chứa đựng khả năng tung hê và bỏ cuộc trong hợp tác giải quyết các vấn đề an ninh. Tự ái là chính là một trong những tác nhân làm cho vấn đề an ninh trong khu vực đôi khi trở nên dễ thay đổi và khó lường. Tự ái cũng làm giảm khả năng thỏa hiệp, nhân nhượng. Ngoài ra, tính dễ tự ái cao đều được các bên biết cả cũng đôi khi làm giảm sự lựa chọn và khiến việc giải quyết mâu thuẫn an ninh thêm phức tạp, kéo dài. Nhìn chung, sự tự ái một khi đã xảy ra sẽ làm vấn đề an ninh trở nên khó giải quyết hơn.

Thứ năm, đó là tính thù dai. Ở Đông Á, do sự chi phối của lịch sử và tâm tính hướng về quá khứ, người ta thường khó quên những điều đau khổ, tủ nhục, thù hằn do người khác đem lại trong quá khứ hơn là những điều vui, điều tốt. Điều này còn được nuôi dưỡng trong thời hiện tại khi giác ngộ lịch sử thường hướng tới xung đột hơn là hợp tác, theo tinh thần ta đúng còn người khác sai. Tính thù dai dễ tạo ra định kiến và cả sự nghi ngờ đối với kẻ thù cũ. Đến lượt mình, định kiến và cả sự nghi ngờ thường đem lại ám ảnh trong nhận thức về xung đột hơn là hợp tác, tâm lý coi đối tượng là đối thủ hơn đối tác. Tính thù dai là yếu tố kích thích xung đột và dễ làm giảm ý chí hợp tác. Nói cách khác, tính thù dai là đường dẫn quá khứ xung đột vào

trong nhận thức an ninh của hiện tại. Với một lịch sử chiến tranh và xung đột của Đông Á như trên đã đề cập, tính thù dai là một yếu tố gây khó khăn cho việc khép lại quá khứ, hướng tới tương lai.

6. Kết luận

Như vậy, ở Đông Á, nhận thức an ninh của các nước trong khu vực còn chịu tác động của nhiều yếu tố từ môi trường tinh thần. Các yếu tố này có nhiều nhưng trong khuôn khổ của bài viết mới chỉ bước đầu đề cập đến một số yếu tố. Đó là chủ nghĩa quốc gia mạnh mẽ, nhận thức lịch sử sâu sắc, đa dạng tư tưởng triết học-chính trị và một số điểm trong tính cách của người Á Đông.

Ở Đông Á, những hiện tượng này không phải là nhiều nhưng cũng không phải ít. Chúng đang tồn tại và vẫn dù sức nặng để tác động đáng kể lên nhận thức an ninh trong khu vực. Các yếu tố này là có tính hai mặt nhưng những mặt trái của chúng đang ảnh hưởng không lợi cho nhận thức an ninh ở khu vực. Nhận thức an ninh chịu ảnh hưởng của các yếu tố như vậy đang góp phần làm tăng tình trạng phức tạp, tính khó lường và khó giải quyết hơn trong các vấn đề an ninh.

Khi khó thay đổi nhanh chóng hoàn cảnh khách quan, khi việc thay đổi nhận thức cũng không thể một sớm một chiều, việc nhận biết các yếu tố tinh thần tác động

tiêu cực tới nhận thức an ninh có lẽ cũng cần thiết như một phương cách giải quyết vấn đề an ninh trong khu vực. Bởi lẽ, khi các yếu tố này được giảm bớt, nhận thức an ninh sẽ được cải thiện theo hướng tích cực hơn, vấn đề an ninh theo đó sẽ bớt căng thẳng hơn và việc giải quyết vì thế cũng sẽ đỡ khó khăn hơn.

Những yếu tố này cũng góp phần tạo ra những nét riêng cho vấn đề an ninh ở Đông Á. Việc khắc phục chúng phải là một quá trình. Vì thế, việc giải quyết các vấn đề an ninh ở Đông Á vẫn phải tính đến chúng.

Tất cả những yếu tố đề cập trên đây đều thuộc về tinh thần chủ quan, tức là hoàn toàn có thể thay đổi. Có nhiều cách thức để có thể thay đổi hoặc làm giảm bớt chúng. Đó là phát triển hợp tác để tạo ra nhiều giá trị chung khu vực, điều chỉnh giáo dục và hợp tác giáo dục cho thế hệ trẻ để giúp thay đổi nhận thức, tăng cường giao lưu giữa giới trí thức để nhận thức tích cực lan truyền trong xã hội và lên giới hoạch định chính sách, thúc đẩy hơn nữa các biện pháp xây dựng lòng tin, tăng cường giao lưu văn hóa-xã hội để tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau, thúc đẩy nhận thức liên chủ thể trong khu vực về vấn đề an ninh,

Khi đó, chúng ta có thể hi vọng nhiều hơn về một nền an ninh thực sự cho Đông Á.

CHÚ THÍCH

(1), (2). Tham khảo thêm Hoàng Khắc Nam, *Hợp tác Đông Á - những trở ngại của lịch sử*, Tạp chí *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 5 (47), 2003, tr. 68-74.

(3). Dẫn theo GS. Hà Văn Tấn "Mấy suy nghĩ về lịch sử Việt Nam và tư tưởng Việt Nam", *Giáo*

sư sử học Hà Văn Tấn, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội 1997, tr. 95-108.

(4). Tham khảo thêm Hoàng Khắc Nam, *Vấn đề văn hoá trong chủ nghĩa khu vực Đông Á*, Tạp chí *Nghiên cứu Nhật Bản và Đông Bắc Á*, số 1 (55), 2005, tr. 34-39.